

RESULTS AND LIMITATIONS OF IMPLEMENTATION OF VOCATIONAL TRAINING POLICY FOR ETHNIC MINORITY LABORS IN THE NORTHWEST PROVINCES

Do Thi Vui

National Academy of Public Administration

Email: vuidt@napa.vn

Received: 25/4/2024; Reviewed: 10/5/2024; Revised: 13/5/2024; Accepted: 16/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/296>

Policy implementation has a particularly important position in the vocational training policy cycle for ethnic minority labors, helping to equip knowledge, skills, professional expertise to create jobs and increase income for ethnic minority labors, helping to stabilize their lives, contributing to ensuring political security, social order and safety. In recent years, the Northwest provinces have achieved many results in organizing and implementing vocational training policies for ethnic minority labors. However, localities still encounter many difficulties and limitations in implementing the policy, requiring synchronous and creative solutions to increase the effectiveness of vocational training policy implementation for ethnic minority labors in the Northwest provinces.

Keywords: Policy implementation; Vocational training policy; Ethnic minority labors; Northwest provinces.

1. Đặt vấn đề

Lao động dân tộc thiểu số (LĐ DTTS) là người dân tộc thiểu số (DTTS) đang trong độ tuổi lao động (LĐ), có khả năng LĐ nhằm tạo ra của cải, vật chất. Lao động DTTS thường sinh sống ở những địa bàn có vị trí quan trọng chiến lược về an ninh quốc phòng như biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Họ là một bộ phận nòng cốt, giữ vị trí vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc dựng nước, giữ nước cũng như giúp giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), giúp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đào tạo nghề (ĐTN) có vai trò quan trọng đối với LĐ DTTS nhằm giúp trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ nhằm giải quyết việc làm, ổn định sinh kế, tăng thu nhập của LĐ DTTS đồng thời góp phần sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu LĐ và cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tây Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về KT-XH, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Việt Nam và là nơi tập trung đông người DTTS sinh sống, trong đó tiểu vùng Tây Bắc bao gồm các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022), các tỉnh thuộc tiểu vùng Tây Bắc kể trên có diện tích 37331.43 km² với dân số ước tính 3,295 triệu người, chủ yếu là người DTTS. Tỷ lệ người DTTS chiếm khoảng 74.3% ở Hòa Bình và 84% ở Lai Châu trong cơ cấu dân số.

Trong số đó, người DTTS đang trong độ tuổi LĐ là lực lượng đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện các chiến lược, các kế hoạch phát triển KT-XH nhằm tạo ra của cải vật chất cho xã hội; là đòn bẩy giúp các tỉnh Tây Bắc vượt qua những khó khăn, biến các lợi thế tiềm năng thành các thành tựu trên thực tế.

Trong những năm qua, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS nói chung và tại các tỉnh Tây Bắc nói riêng được cải thiện rõ nét. Tỷ lệ thất nghiệp giảm, sinh kế của đồng bào dân được ổn định và phát triển, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao. Để đạt được kết quả đáng khích lệ đó, một trong những lý do phải kể đến là việc thực hiện các chính sách phát triển KT-XH, trong đó có chính sách ĐTN cho LĐ DTTS được Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền quan tâm, triển khai một cách quyết liệt và hiệu quả. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc còn nhiều khó khăn, vướng mắc, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ. Bài viết này chỉ ra kết quả và hạn chế của thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc trong giai đoạn 2009-2020.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS được nhiều học giả quan tâm, nghiên cứu và tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, các công

trình nghiên cứu khá phong phú và đa dạng ở cả đối tượng, phạm vi và mức độ. Các nghiên cứu về thực hiện chính sách ĐTN cho LĐ DTTS nhìn chung đã xây dựng cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về chính sách ĐTN cho LĐ vùng DTTS, đánh giá thực trạng ĐTN cho LĐ vùng DTTS Việt Nam,... Trong đó, tiêu biểu là một số công trình nghiên cứu như: Cuốn sách *Technical Education and Vocational Training in Developing Nations (Giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề ở các quốc gia đang phát triển)* (Okolie & Yasin, 2017), nhóm tác giả thảo luận về chính sách đào tạo về kỹ thuật, nghề nghiệp và phát triển con người tại các nước đang phát triển, giáo dục kỹ thuật và ĐTN giúp hỗ trợ giáo dục cơ bản, nâng cao kỹ năng sống của người LĐ. Bài viết *Nghiên cứu tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam* (Hùng & Hương, 2020) khẳng định ĐTN đã tác động mang tính tích cực đối với sinh kế của các hộ nông dân cũng như gia tăng thu nhập, góp phần xóa đói và giảm nghèo. Trong khi đó, công trình *Nghiên cứu chính sách thu hút lao động dân tộc thiểu số vào làm việc trong các doanh nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững* (Anh, 2021) lại hệ thống hóa các lý thuyết về thu hút LĐ và LĐ DTTS vào làm việc trong các doanh nghiệp; xây dựng khung lý thuyết về chính sách thu hút LĐ DTTS vào làm việc trong các doanh nghiệp; kinh nghiệm chính sách của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo áp dụng cho vùng DTTS ở Việt Nam. Đồng thời, bài viết *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc* (Toán, 2010), tác giả đã đưa ra các giải pháp phát triển NNL là người DTTS bao gồm: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú; Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở các tỉnh miền núi Phía Bắc; Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, chất lượng đào tạo dự bị đại học, hệ cử tuyển của các trường đại học, cao đẳng ở các tỉnh miền núi Phía Bắc,...

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên đã xây dựng được nền tảng cơ bản quan trọng cho lý luận cũng như thực tiễn thực hiện chính sách, thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về thực hiện chính sách, thực hiện chính sách ĐTN chỉ ra những vấn đề có tính lý luận về chính sách, thực hiện chính sách như khái niệm, đặc điểm, vai trò, quy trình thực hiện chính sách, các chủ thể tham gia thực hiện chính sách, các yếu tố tác động đến thực hiện chính sách,...

3. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS

có thể được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Từ góc độ quản lý công, xuất phát từ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức thực hiện chính sách, tác giả nghiên cứu hoạt động của cơ quan nhà nước trong tổ chức thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS bằng Phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp đối chiếu, so sánh. Đồng thời, trong tổng thể chu trình chính sách công, thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS là khâu hiện thực hóa chính sách thành những kết quả trong thực tiễn thông qua hoạt động tổ chức thực hiện chính sách của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Do vấn đề nghiên cứu mang tính chất hệ thống, liên ngành nên bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành của các ngành khoa học khác nhau như quản lý công, chính sách công, luật học, giáo dục học, dân tộc học,...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vai trò của thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số

4.1.1. Thực hiện chính sách

Theo tác giả Lê Chi Mai định nghĩa: “Thực thi chính sách là giai đoạn biến các ý đồ chính sách thành những kết quả thực tế thông qua hoạt động có tổ chức của các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm đạt tới những mục tiêu đã đề ra” (Mai, 2001, tr.122).

Theo tác giả Lê Như Thanh & Lê Văn Hoà, “Thực thi chính sách là quá trình đưa chính sách vào thực tiễn đời sống xã hội thông qua việc ban hành các văn bản, chương trình, dự án thực thi chính sách công và tổ chức thực hiện chúng nhằm hiện thực hóa mục tiêu chính sách công” (Thanh & Hoà, 2016, tr.95).

Từ các quan niệm trên về thực hiện chính sách, tác giả cho rằng: “Thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với LĐ DTTS là quá trình đưa chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS vào trong đời sống xã hội, thông qua việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện văn bản, chương trình, dự án ĐTN đối với LĐ DTTS nhằm đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng LĐ DTTS”.

4.1.2. Vai trò của thực hiện chính sách công

Thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS có vị trí quan trọng, là một khâu hợp thành chu trình chính sách ĐTN cho LĐ DTTS; là trung tâm kết nối trong chu trình chính sách từ hoạch định chính sách - thực hiện chính sách - đánh giá chính sách. Có thể khẳng định, chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS sẽ trở thành vô nghĩa nếu nó không được đưa vào thực hiện. Chính vì thế, thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS là khâu có vị trí đặc biệt quan trọng,

đây là bước hiện thực hoá chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS vào trong đời sống xã hội. Thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS giúp từng bước hiện thực hóa mục tiêu của chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS, trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập của LĐ DTTS, giúp ổn định đời sống góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương; đồng thời góp phần sử dụng hợp lý nguồn lực LĐ vùng DTTS chuyển dịch cơ cấu LĐ và cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS giúp khẳng định tính đúng đắn của chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS. Thông qua quá trình thực thi chính sách sẽ cung cấp những bằng chứng thực tiễn, những kết quả trên thực tế để khẳng định mục tiêu chính sách có thích hợp hay không và các giải pháp chính sách công có thực sự phù hợp hay không. Quá trình thực hiện chính sách cũng sẽ giúp cho cơ quan nhà nước rút ra những bài học kinh nghiệm cho thiết kế chính sách công dành cho đối tượng LĐ DTTS trong tương lai.

4.2. Một số kết quả thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số tại các tỉnh Tây Bắc

Tây Bắc là một trong hai tiểu vùng của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, gồm 4 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) theo Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 8/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Về vị trí địa lý: Tây Bắc nằm ở địa đầu Tây Bắc của Tổ quốc, lãnh thổ kéo dài trong khoảng từ 20018’B (huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình) đến 220048’B (huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu), từ 102009’Đ (huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên) đến 105052’Đ (huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình) (Tuệ, 2009). Các tỉnh Tây Bắc có phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp với Lào, phía Nam và Đông Nam giáp với Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ, phía Đông giáp với tiểu vùng Đông Bắc.

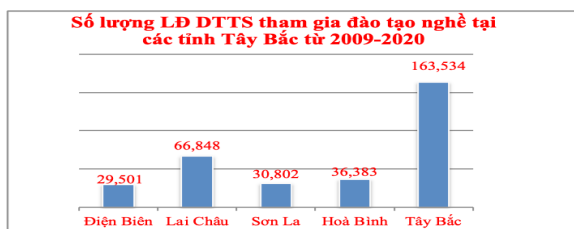
Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2021), các tỉnh Tây Bắc có diện tích 37.331,43 km², chiếm 11,33 % diện tích cả nước. Tây Bắc là nơi có nhiều núi, khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Về dân số, theo thống kê năm 2022, Tây Bắc có 3.295.571 người. Trong đó, dân số tỉnh Sơn La cao nhất với 1.270.600 người. Tây Bắc là nơi sinh sống của nhiều DTTS như Tày, Thái, Mường, Mông, Khơ-mú, Dao,... Tổng số người DTTS là 2.561.874 người, tỷ lệ người DTTS chiếm đa số trong cơ cấu dân số với 84% ở Lai Châu, 83,74% ở Sơn La,

82,6% ở Điện Biên và 74,3% ở Hòa Bình (Tổng cục Thống kê, 2020). Theo thống kê, dân tộc Thái, Mường, Mông là 3 dân tộc chiếm đa số trong cơ cấu người DTTS các tỉnh Tây Bắc. Dân tộc Thái chiếm 41,4% với 1.060.264 người. Sơn La là tỉnh có đông người Thái sinh sống nhất với 669.265 người. Tiếp đến là dân tộc Mường chiếm 24,9% với 636.701 người và dân tộc Mông chiếm 21,3% với 546.163 người. Tây Bắc có tới 87,9% dân số DTTS từ 15 tuổi trở lên tham gia vào lực lượng LĐ - cao hơn so với trung bình mức tỷ lệ tham gia lực lượng LĐ của DTTS của cả nước với 83,3% (Tổng cục Thống kê, 2021). Tỷ lệ tham gia lực lượng LĐ của DTTS từ 15 tuổi trở lên tại các tỉnh Tây Bắc lần lượt là Điện Biên và Lai Châu trên 90%, thấp hơn là Sơn La (86,2%) và Hòa Bình (84,6%).

Thứ nhất, số lượng lao động dân tộc thiểu số tham gia đào tạo nghề gia tăng

Trong giai đoạn từ 2009-2020, đã có nhiều kết quả đáng khích lệ trong thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS. Theo đó, số lượng LĐ DTTS được ĐTN khá ấn tượng. Cụ thể số lượng LĐ DTTS toàn vùng Tây Bắc tham gia ĐTN là 163.534 người, trong đó, Lai Châu là tỉnh có đông LĐ DTTS được đào tạo nhất với 66.848 người, tiếp đến là Hòa Bình với 36.383 người. Số LĐ DTTS được ĐTN tại các tỉnh Sơn La và Điện Biên xấp xỉ nhau lần lượt là 30.802 người và 29.501 người.



Biểu đồ 3.1. Số lượng LĐ DTTS tham gia đào tạo nghề tại các tỉnh Tây Bắc giai đoạn 2009-2020

Nguồn. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, 2021

Nhìn chung, các ngành, nghề ĐTN cho LĐ DTTS tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp của người LĐ. Theo đó, có các nhóm nghề như sau: điện, cơ khí, chăn nuôi - thú y, trồng trọt và các nghề truyền thống của đồng bào DTTS như: dệt thổ cẩm, đan lát...

Bảng 3.1. Thống kê số lượng LĐ DTTS tham gia đào tạo nghề phân theo lĩnh vực đào tạo giai đoạn 2009-2020

Tỉnh	Nông nghiệp (người)	Tỉ lệ %	Phi nông nghiệp (người)	Tỉ lệ %
Điện Biên	40.749	68,7	18.541	31,3
Lai Châu	49.410	72,5	18.746	27,5
Sơn La	24.756	79,7	6.296	20,3
Hoà Bình	27.594	54,3	23.259	45,7
Tây Bắc	142.509	68,1	66.842	31,9

Nguồn. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, 2020

LĐ DTTS Tây Bắc tham gia vào các lớp học nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp. Trong đó, ĐTN lĩnh vực nông nghiệp có số lượng học viên đông hơn so với LĐ DTTS học nghề phi nông nghiệp. Trong giai đoạn 2009-2020, có tới 68,1% LĐ học nghề lựa chọn các lớp ĐTN lĩnh vực nông nghiệp tương đương với 142.590 người. Trong khi đó, chỉ có 66.842 LĐ tham gia vào các lớp học nghề phi nông nghiệp tương ứng với 31,9%.

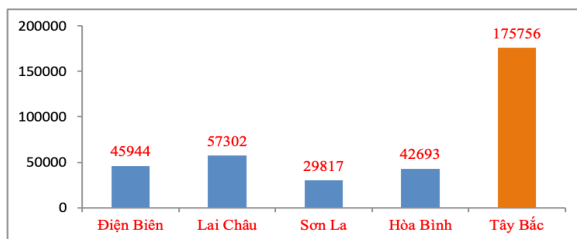
Lai Châu là tỉnh có số lượng học viên tham gia các lớp ĐTN trong lĩnh vực nông nghiệp nhiều nhất vùng Tây Bắc với 49.410 người, chiếm trên 70% trong cơ cấu ĐTN phân theo lĩnh vực đào tạo. Điều thú vị là tại tỉnh Sơn La, mặc dù số lượng LĐ được ĐTN trong lĩnh vực nông nghiệp thấp nhất so với các tỉnh Tây Bắc khác (24.756 người) nhưng lại chiếm tới 79.7% trong cơ cấu tỷ lệ ĐTN theo lĩnh vực, đây cũng là tỷ lệ ĐTN lĩnh vực nông nghiệp cao nhất trong toàn vùng. Điều này cho thấy, đa số LĐ học nghề yêu thích lựa chọn các lớp ĐTN lĩnh vực nông nghiệp. Đây cũng là tín hiệu cho thấy sự phù hợp trong lựa chọn của học viên học nghề với điều kiện khách quan KT-XH và thế mạnh nổi trội về nông nghiệp của các tỉnh Tây Bắc. Điều này cũng cho thấy các tỉnh Tây Bắc thực hiện chính sách ĐTN cho LĐ DTTS bám vào nhu cầu của các tỉnh trong vùng là phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp.

Thứ hai, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề gia tăng
 Kết quả 10 năm thực hiện ĐTN cho lao động

nông thôn đã góp phần thực hiện các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Những kết quả tích cực của công tác ĐTN cho LĐ DTTS tại Tây Bắc đã góp phần gia tăng tỷ lệ LĐ qua ĐTN. Tại Điện Biên, tỷ lệ LĐ qua ĐTN gia tăng qua các năm, nếu như năm 2010 tỷ lệ LĐ qua ĐTN tại tỉnh là 12.73% tăng lên 26.26% năm 2016 và đạt 34.20% năm 2020. Tại tỉnh Lai Châu cũng chứng kiến tỷ lệ LĐ qua ĐTN tăng lên từ 21% năm 2010 lên 29.25% năm 2015 và đạt 38.5% năm 2020. Trong vòng 10 năm (từ 2010-2020), tỉnh Hòa Bình ghi nhận tỷ lệ LĐ qua ĐTN tăng từ 22,8% (năm 2010) lên 41% (năm 2016) và đạt 50,6% (năm 2020) (UBND tỉnh Hoà Bình, 2020).

Thứ ba, giải quyết việc làm cho lao động sau học nghề

Phần lớn LĐ DTTS qua học nghề đã có việc làm sau ĐTN, nhiều LĐ mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế gia đình, vươn lên thoát nghèo. Giai đoạn 2009-2020, toàn vùng Tây Bắc có 175,756 LĐ tham gia học nghề có việc làm, đạt tỷ lệ 84.1%. Theo đó, Lai Châu là tỉnh có tới 57.302 người có việc làm sau học nghề (tương đương 84,6% LĐ học nghề có việc làm sau ĐTN), tiếp đó là tỉnh Điện Biên với 45.944 người và tỉnh Hòa Bình với 42.693 người. Tại tỉnh Sơn La, chứng kiến 96% LĐ tham gia các khóa ĐTN kiếm được việc làm sau ĐTN (tương đương 29.817 người).



Biểu đồ 3.2. Thống kê số lượng LĐ có việc làm sau ĐTN tại các tỉnh Tây Bắc giai đoạn 2009-2022

Nguồn. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, 2021

Theo đó, tỷ số việc làm trên dân số của dân số từ 15 tuổi trở lên năm 2020 của các tỉnh Tây Bắc đạt 85.3 % (Điện Biên), 91.7% (Lai Châu); 86.3% (Sơn La) và 81.9% (Hòa Bình) (Tổng Cục thống kê, 2021).

Do các lớp ĐTN lĩnh vực nông nghiệp chiếm đa số so với lĩnh vực phi nông nghiệp, do vậy, việc làm của học viên sau học nghề cũng phần lớn là nghề trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm xấp xỉ 70% tổng số LĐ được đào tạo nghề, tương đương với

122.743 người). Giai đoạn 2010-2020, ghi nhận có tổng số 53.013 LĐ có việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp sau khi tham gia các lớp ĐTN.

Trong các tỉnh Tây Bắc, Lai Châu là tỉnh có số lượng LĐ sau ĐTN có việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp nhiều nhất với 47.764 người (chiếm tỷ lệ 83,4%), tiếp đến là tỉnh Điện Biên (27.403 người), tỉnh Sơn La (24.616 người). Điều này cho thấy, công tác ĐTN ngày càng bám sát vào thể mạnh phát triển nông - lâm nghiệp của các tỉnh và đây cũng là lĩnh vực thu hút đông LĐ nhất. Hòa Bình là tỉnh có xu hướng chia tương đối bằng nhau giữa việc làm 2 lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, đây cũng là tỉnh cũng có số lượng LĐ có việc làm lĩnh vực nông nghiệp thấp nhất trong vùng với 22.960 người. Như vậy, có thể thấy, các ngành nghề công nghiệp, xây dựng và dịch vụ của Hòa Bình ngày càng phát triển, thu hút nhiều LĐ.

Giai đoạn này, toàn vùng Tây Bắc cũng ghi nhận nhiều việc làm lĩnh vực phi nông nghiệp được tạo ra, giải quyết việc làm cho 53.013 người sau khi học nghề. Một số mô hình đào tạo nghề thí điểm (trồng và chế biến cà phê, kỹ thuật chăn nuôi lợn, gà đồi, vượn; Vận hành máy thi công nền,...) tỷ lệ có việc làm sau khi học đạt trên 90%.

Thứ tư, gia tăng thu nhập bình quân đầu người

Kết quả của công tác ĐTN không chỉ giúp cho LĐ DTTS có thêm việc làm mà còn giúp người LĐ tham gia học nghề gia tăng năng suất LĐ, tăng thu nhập, góp phần cải thiện cuộc sống.

Theo thống kê, số hộ gia đình có người tham gia học nghề có thu nhập khá tại Điện Biên là 3.874 hộ (UBND tỉnh Điện Biên, 2020), Lai Châu: 2.488 hộ (UBND tỉnh Lai Châu, 2020); Hòa Bình: 2.875 hộ (UBND tỉnh Hoà Bình, 2020).

Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng của các tỉnh Tây Bắc có sự thay đổi theo hướng gia tăng. Giai đoạn 2010-2020, Tây Bắc chứng kiến sự gia tăng trong thu nhập bình quân/người/tháng từ 702,1 nghìn đồng tăng lên 1,436 triệu đồng và đạt 2,027 triệu đồng năm 2020 (tương ứng tăng thêm 1,325 triệu đồng). So sánh với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, sự gia tăng trong thu nhập bình quân/người/tháng của vùng này đạt mức thu nhập 904,6 nghìn đồng/người/tháng (2010) và tăng lên 2,745 triệu/người/tháng (năm 2020) cũng như so với cả nước từ mức thu nhập 1,387 triệu/người/tháng (năm 2010) tăng lên 4,249 triệu/người/tháng (năm 2020) thì mức thu nhập bình quân/người/tháng ở Tây Bắc, tuy tăng lên nhưng nhìn chung thu nhập vẫn ở mức rất thấp, chênh lệch khá lớn so với các vùng khác trên cả nước.

Bảng 3.3. Thống kê thu nhập bình quân/người/tháng của các tỉnh Tây Bắc giai đoạn 2010-2020

Đơn vị tính: nghìn đồng

Tỉnh	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020
Điện Biên	610,9	819,4	1200,4	1220,9	1476,6	1583,2	1738
Lai Châu	566,8	758	987	1311,9	1492,3	1594,1	1912,6
Sơn La	801,7	1019,5	1178,5	1288,2	1482,7	1605,5	1750,8
Hoà Bình	829,3	1219,2	1597,9	1925	2293,9	2493,9	2708,5
Trung bình các tỉnh Tây Bắc	702,175	954,025	1240,95	1436,5	1686,38	1819,18	2027,48
Trung du MNPB	904,6	1258,4	1613,4	1962,6	2452,2	2640,1	2745
Cả nước	1387,1	1999,8	2637,3	3097,6	3873,8	4294,5	4249,8

Nguồn. Tổng cục Thống kê, Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2020

4.3. Hạn chế trong thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số tại các tỉnh Tây Bắc

Có được một số kết quả đáng khích lệ trong công tác thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS trong những năm qua tại các tỉnh Tây Bắc là do sự lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm của Đảng, chính quyền tại địa phương, tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thu hút LĐ DTTS tham gia các lớp học nghề và giải quyết việc làm cho học viên sau học nghề. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác triển khai thực hiện chính sách còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Công tác xây dựng ban hành các văn bản thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc đã được triển khai nhưng nhìn chung các địa phương chưa ban hành được những văn bản pháp lý về ĐTN mang tính đặc thù gắn với tình hình KT-XH của địa phương, mà đó mới chỉ là các văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản cấp Trung ương. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS ở các tỉnh Tây Bắc chưa thực sự hiệu quả. Công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐ DTTS được thực hiện chưa được tốt; công tác tuyên truyền nghị quyết và các chính sách về ĐTN đối với LĐ DTTS chưa sâu, chưa đến được với tất cả LĐ DTTS, vốn nhiều LĐ còn chưa biết sử dụng tiếng Kinh. Công tác phân công, phân cấp, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS còn nhiều hạn chế, đối tượng được ĐTN có nơi còn chồng chéo, việc phân công, phân cấp chưa rõ ràng trong thực hiện chính sách.

Nguyên nhân của những hạn chế có thể kể đến như xuất phát điểm của LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc còn thấp; điều kiện tự nhiên, KT-XH nhất là giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, LĐ DTTS sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện tiếp cận thông tin, đi lại hạn chế, cùng với đó là những điều kiện khí hậu khắc nghiệt như lũ lụt, thiên tai. Chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS còn chưa hoàn thiện, nhiều quy định chưa được ban hành hướng dẫn cụ thể, khiến các địa phương nói chung trong đó có các tỉnh Tây Bắc khó khăn khi triển khai thực hiện. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở về vai trò của ĐTN đối với LĐ DTTS còn chưa sâu sắc. Công tác ĐTN đối với LĐ DTTS chưa thực sự được coi trọng đúng mức; mới dừng lại ở việc coi ĐTN chỉ là hoạt động mang tính thời điểm, không phải là vấn đề quan tâm thường xuyên, liên tục và có hệ thống. Do đó thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và đoàn thể trong thực hiện chính sách ĐTN cho LĐ DTTS,... Mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn còn mỏng, hiệu

quả hoạt động và năng lực dạy nghề của một số cơ sở dạy nghề trên địa bàn còn hạn chế, nội dung chương trình, phương pháp, cách thức ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc chưa sát với yêu cầu của thị trường và doanh nghiệp, chưa thực sự phù hợp và phát huy hiệu quả với LĐ DTTS, chậm đổi mới, chậm ứng dụng thành tựu của công nghệ thông tin vào trong hoạt động ĐTN.

5. Thảo luận

Nghiên cứu thực tiễn tổ chức thực hiện ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc thời gian qua cho thấy, thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS đã trang bị kiến thức, kỹ năng cho LĐ DTTS, giúp gia tăng tỷ lệ LĐ qua đào tạo, giải quyết việc làm, ổn định sinh kế và tăng thu nhập của LĐ DTTS sau học nghề. Qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp, giảm tỷ lệ thất nghiệp và giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các tỉnh Tây Bắc. Tuy vậy, những kết quả đạt được còn chưa tương xứng, tổ chức thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS còn nhiều hạn chế, do vậy, cần phải có những điều chỉnh trong các hoạt động tổ chức thực hiện chính sách để tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách.

Đặt trong bối cảnh KT-XH luôn có sự vận động, biến đổi, đa dạng và chịu sự tác động quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, tổ chức thực hiện ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn. Do đó, phương hướng, giải pháp tăng cường thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS cần được thiết kế sao đồng bộ, khả thi và gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới, chiến lược phát triển KT-XH và chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS và miền núi.

6. Kết luận

Lao động DTTS tại các tỉnh Tây Bắc đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH, là nguồn lực quan trọng nhất giúp các địa phương này phát huy lợi thế, tiềm năng và vượt qua những khó khăn, thách thức để đạt được các thành tựu về KT-XH. Những kết quả đạt được trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách ĐTN đối với LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc là bước đệm vững chắc để chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước ở Trung ương tin tưởng vào sự thành công của chính sách ĐTN. Đồng thời, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế cần được nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng để làm cơ sở cho việc thiết kế các giải pháp đồng bộ, sáng tạo và đột phá nhằm giúp cho chính sách đào tạo nghề thực sự phát huy hiệu quả, làm thay đổi đời sống KT-XH của người LĐ DTTS tại các tỉnh Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Anh, N. T. L. (2021). *Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp nhà nước “Nghiên cứu chính sách thu hút lao động dân tộc thiểu số vào làm việc trong các doanh nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững”*. Mã số: CTDT.27.17/16-20.
- Hùng, V. V., & Hương, H. K. (2020). Nghiên cứu tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 143/2020.
- Mai, L. C. (2001). *Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học quốc gia.
- Tuệ, N. M. (2009). *Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- Toàn, L. Q. (2010). Giải pháp phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi Phía Bắc. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 3/2010.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 08/07/2013 về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Phía Bắc đến năm 2020*.
- Thanh, L. N., & Hòa, L. V. (2016). *Hoạch định và thực thi chính sách*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, tr.95.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Báo cáo Điều tra Lao động và Việc làm năm 2020*.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Báo cáo điều tra lao động việc làm Quý 4 năm 2020*.
- UBND tỉnh Điện Biên. (2020). *Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 27/11/2020 về Tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*.
- UBND tỉnh Hòa Bình. (2020). *Báo cáo số 380/BC-UBND ngày 09/11/2020 về Tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*.
- UBND tỉnh Lai Châu. (2020). *Báo cáo số 384/BC-UBND ngày 19/10/2020 về Tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*.
- UBND tỉnh Sơn La. (2020). *Báo cáo số 420/BC-UBND ngày 14/10/2020 về Tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*.
- Okolie, U. C., & Yasin, Asfa M. (2017). *Technical Education and Vocational Training in Developing Nations*. Information Science Reference IGI Global.

KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CÁC TỈNH TÂY BẮC

Đỗ Thị Vui

Học viện Hành chính quốc gia

Email: vuidt@nava.vn

Nhận bài: 25/4/2024; Phản biện: 10/5/2024; Tác giả sửa: 13/5/2024; Duyệt đăng: 16/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/296>

Thực hiện chính sách có vị trí đặc biệt quan trọng trong chu trình chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số giúp trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động dân tộc thiểu số, giúp ổn định đời sống, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong những năm vừa qua, các tỉnh Tây Bắc đã đạt nhiều kết quả trong công tác tổ chức thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, các địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính đồng bộ, sáng tạo nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số tại các tỉnh Tây Bắc.

Từ khóa: Thực hiện chính sách; Đào tạo nghề; Lao động dân tộc thiểu số; Các tỉnh Tây Bắc.